

**DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA CUỐI KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026**

**MÔN: HÓA HỌC - PHÒNG: 15**

| STT | SBD      | HỌ VÀ TÊN              | Ngày sinh  | Giới tính | Lớp   | Ghi chú |
|-----|----------|------------------------|------------|-----------|-------|---------|
| 1   | 11000001 | Nguyễn Thành An        | 20/10/2009 | Nam       | 11B4  |         |
| 2   | 11000003 | Nguyễn Đức Anh         | 19/09/2009 | Nam       | 11B4  |         |
| 3   | 11000004 | Nguyễn Phạm Quỳnh Anh  | 13/12/2009 | Nữ        | 11B12 |         |
| 4   | 11000006 | Phạm Trần Tú Anh       | 24/04/2009 | Nữ        | 11B2  |         |
| 5   | 11000007 | Trương Võ Hoàng Anh    | 24/06/2009 | Nam       | 11B3  |         |
| 6   | 11000008 | Lê Thụy Thùy Ánh       | 27/06/2009 | Nữ        | 11B4  |         |
| 7   | 11000009 | Nguyễn Hoàng Ân        | 26/04/2009 | Nam       | 11B1  |         |
| 8   | 11000011 | Cao Chí Bảo            | 09/08/2009 | Nam       | 11B3  |         |
| 9   | 11000012 | Nguyễn Duy Bảo         | 11/11/2009 | Nam       | 11B12 |         |
| 10  | 11000016 | Phạm Minh Bảo          | 26/09/2009 | Nam       | 11B1  |         |
| 11  | 11000018 | Phạm Xuân Bắc          | 11/11/2009 | Nam       | 11B2  |         |
| 12  | 11000023 | Đỗ Minh Châu           | 11/05/2009 | Nữ        | 11B3  |         |
| 13  | 11000025 | Nguyễn Thị Diệu Châu   | 09/09/2009 | Nữ        | 11B1  |         |
| 14  | 11000026 | Nguyễn Thị Kim Châu    | 30/05/2009 | Nữ        | 11B1  |         |
| 15  | 11000028 | Đỗ Thị Thùy Chi        | 12/09/2009 | Nữ        | 11B4  |         |
| 16  | 11000030 | Phạm Thùy Chi          | 06/06/2009 | Nữ        | 11B1  |         |
| 17  | 11000031 | Bùi Đức Chí            | 21/10/2009 | Nam       | 11B2  |         |
| 18  | 11000035 | Nguyễn Thành Chương    | 02/03/2009 | Nam       | 11B2  |         |
| 19  | 11000036 | Trần Văn Công          | 25/02/2009 | Nam       | 11B4  |         |
| 20  | 11000037 | Võ Thành Công          | 10/06/2009 | Nam       | 11B12 |         |
| 21  | 11000039 | Nguyễn Đặng Thành Danh | 06/09/2009 | Nam       | 11B1  |         |
| 22  | 11000044 | Vũ Thị Ái Diễm         | 01/10/2009 | Nữ        | 11B2  |         |
| 23  | 11000047 | Tiêu Tuấn Du           | 16/03/2009 | Nam       | 11B4  |         |
| 24  | 11000048 | Nguyễn Tiến Dũng       | 22/06/2009 | Nam       | 11B12 |         |
|     |          |                        |            |           |       |         |

*Đông Sơn, ngày 27 tháng 12 năm 2025*

**HIỆU TRƯỞNG**

**Ngô Ngọc Lâm**

**DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA CUỐI KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026**

**MÔN: HÓA HỌC - PHÒNG: 16**

| STT | SBD      | HỌ VÀ TÊN                | Ngày sinh  | Giới tính | Lớp   | Ghi chú |
|-----|----------|--------------------------|------------|-----------|-------|---------|
| 1   | 11000049 | Phạm Bá Duy              | 08/06/2009 | Nam       | 11B1  |         |
| 2   | 11000050 | Trương Quốc Duy          | 26/03/2009 | Nam       | 11B2  |         |
| 3   | 11000058 | Trần Mỹ Duyên            | 02/03/2009 | Nữ        | 11B4  |         |
| 4   | 11000059 | Nguyễn Minh Dương        | 10/06/2009 | Nam       | 11B2  |         |
| 5   | 11000061 | Trần Thị Ngọc Dương      | 04/01/2009 | Nữ        | 11B3  |         |
| 6   | 11000063 | Trịnh Quốc Đại           | 28/03/2009 | Nam       | 11B4  |         |
| 7   | 11000065 | Nguyễn Kim Đan           | 27/09/2009 | Nữ        | 11B3  |         |
| 8   | 11000066 | Nguyễn Thị Minh Hoài Đan | 29/01/2009 | Nữ        | 11B1  |         |
| 9   | 11000070 | Ngô Anh Đức              | 06/12/2009 | Nam       | 11B4  |         |
| 10  | 11000071 | Nguyễn Hồ Huỳnh Đức      | 29/05/2009 | Nam       | 11B3  |         |
| 11  | 11000076 | Nguyễn Hiếu Hà           | 09/11/2009 | Nữ        | 11B1  |         |
| 12  | 11000077 | Nguyễn Thị Ngọc Hà       | 23/09/2009 | Nữ        | 11B12 |         |
| 13  | 11000078 | Trần Võ Như Hà           | 15/07/2009 | Nữ        | 11B12 |         |
| 14  | 11000080 | Đồng Thanh Hải           | 22/02/2009 | Nam       | 11B1  |         |
| 15  | 11000081 | Lý Hải                   | 19/01/2009 | Nam       | 11B2  |         |
| 16  | 11000082 | Phạm Minh Hải            | 29/07/2009 | Nam       | 11B12 |         |
| 17  | 11000083 | Phạm Trung Hải           | 22/06/2009 | Nam       | 11B12 |         |
| 18  | 11000084 | Phạm Thị Hạnh            | 06/06/2009 | Nữ        | 11B2  |         |
| 19  | 11000085 | Trần Minh Hào            | 19/11/2009 | Nam       | 11B1  |         |
| 20  | 11000088 | Trịnh Thị Thúy Hằng      | 19/03/2008 | Nữ        | 11B12 |         |
| 21  | 11000093 | Bùi Thị Thu Hiền         | 02/07/2009 | Nữ        | 11B4  |         |
| 22  | 11000094 | Huỳnh Thị Hiền           | 02/07/2009 | Nữ        | 11B2  |         |
| 23  | 11000095 | Phạm Thanh Hiền          | 10/02/2009 | Nam       | 11B1  |         |
| 24  | 11000097 | Đặng Tấn Hiếu            | 07/06/2009 | Nam       | 11B2  |         |
|     |          |                          |            |           |       |         |

*Đông Sơn, ngày 27 tháng 12 năm 2025*

**HIỆU TRƯỞNG**

**Ngô Ngọc Lâm**

**DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA CUỐI KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026**

**MÔN: HÓA HỌC - PHÒNG: 17**

| STT | SBD      | HỌ VÀ TÊN            | Ngày sinh  | Giới tính | Lớp   | Ghi chú |
|-----|----------|----------------------|------------|-----------|-------|---------|
| 1   | 11000098 | Nguyễn Duy Hiếu      | 04/10/2009 | Nam       | 11B3  |         |
| 2   | 11000099 | Nguyễn Như Hiếu      | 04/10/2009 | Nữ        | 11B2  |         |
| 3   | 11000101 | Phạm Văn Hiếu        | 27/07/2009 | Nam       | 11B3  |         |
| 4   | 11000102 | Lê Thị Thúy Hoa      | 09/04/2009 | Nữ        | 11B3  |         |
| 5   | 11000107 | Nguyễn Đức Huy       | 29/08/2009 | Nam       | 11B3  |         |
| 6   | 11000108 | Nguyễn Đức Huy       | 25/12/2009 | Nam       | 11B2  |         |
| 7   | 11000109 | Nguyễn Thành Huy     | 30/10/2009 | Nam       | 11B2  |         |
| 8   | 11000112 | Phan Nguyễn Nhất Huy | 26/11/2009 | Nam       | 11B1  |         |
| 9   | 11000113 | Tiêu Quang Huy       | 12/09/2009 | Nam       | 11B4  |         |
| 10  | 11000115 | Võ Khắc Huy          | 08/07/2009 | Nam       | 11B12 |         |
| 11  | 11000116 | Hồ Thị Ngọc Huyền    | 30/06/2009 | Nữ        | 11B12 |         |
| 12  | 11000121 | Lê Mạnh Hưởng        | 13/08/2009 | Nam       | 11B2  |         |
| 13  | 11000122 | Nguyễn Minh Hữu      | 07/06/2009 | Nam       | 11B4  |         |
| 14  | 11000124 | Nguyễn Anh Kha       | 22/09/2009 | Nam       | 11B2  |         |
| 15  | 11000125 | Nguyễn Công Kha      | 12/12/2009 | Nam       | 11B3  |         |
| 16  | 11000126 | Nguyễn Hồng Khải     | 15/10/2009 | Nam       | 11B1  |         |
| 17  | 11000127 | Nguyễn Xuân Khải     | 13/01/2009 | Nam       | 11B3  |         |
| 18  | 11000130 | Nguyễn Tấn Khang     | 05/02/2009 | Nam       | 11B4  |         |
| 19  | 11000132 | Nguyễn Vũ Khang      | 01/08/2008 | Nam       | 11B4  |         |
| 20  | 11000133 | Lê Bùi Thục Khanh    | 10/01/2009 | Nữ        | 11B1  |         |
| 21  | 11000138 | Vũ Hoàng Quốc Khánh  | 17/08/2009 | Nam       | 11B3  |         |
| 22  | 11000140 | Đỗ Đăng Khoa         | 18/04/2009 | Nam       | 11B12 |         |
| 23  | 11000141 | Nguyễn Bá Khoa       | 13/09/2009 | Nam       | 11B3  |         |
| 24  | 11000144 | Nguyễn Đăng Khoa     | 12/07/2009 | Nam       | 11B2  |         |
|     |          |                      |            |           |       |         |

*Đông Sơn, ngày 27 tháng 12 năm 2025*

**HIỆU TRƯỞNG**

**Ngô Ngọc Lâm**

**DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA CUỐI KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026**

**MÔN: HÓA HỌC - PHÒNG: 18**

| STT | SBD      | HỌ VÀ TÊN           | Ngày sinh  | Giới tính | Lớp   | Ghi chú |
|-----|----------|---------------------|------------|-----------|-------|---------|
| 1   | 11000146 | Phan Tấn Khôi       | 17/11/2009 | Nam       | 11B3  |         |
| 2   | 11000149 | Nguyễn Bảo Khuyên   | 20/08/2009 | Nữ        | 11B2  |         |
| 3   | 11000150 | Nguyễn Đức Kiên     | 01/01/2009 | Nam       | 11B1  |         |
| 4   | 11000152 | Phù Trung Kiên      | 04/05/2009 | Nam       | 11B2  |         |
| 5   | 11000153 | Đoàn Võ Duy Kiệt    | 21/06/2009 | Nam       | 11B3  |         |
| 6   | 11000156 | Võ Duy Kiệt         | 14/09/2009 | Nam       | 11B3  |         |
| 7   | 11000157 | Võ Hoàng Kiệt       | 16/01/2009 | Nam       | 11B2  |         |
| 8   | 11000159 | Nguyễn Tấn Kính     | 29/03/2008 | Nam       | 11B4  |         |
| 9   | 11000160 | Nguyễn Bá Kỳ        | 18/09/2009 | Nam       | 11B12 |         |
| 10  | 11000162 | Nguyễn Đức Bảo Lâm  | 29/04/2009 | Nam       | 11B4  |         |
| 11  | 11000163 | Vũ Hoài Gia Lê      | 03/10/2009 | Nữ        | 11B3  |         |
| 12  | 11000167 | Trịnh Hoài Linh     | 09/04/2009 | Nam       | 11B2  |         |
| 13  | 11000170 | Võ Thị Mỹ Linh      | 14/03/2009 | Nữ        | 11B1  |         |
| 14  | 11000172 | Võ Hoàng Long       | 29/07/2009 | Nam       | 11B4  |         |
| 15  | 11000173 | Trần Tấn Long       | 25/09/2008 | Nam       | 11B3  |         |
| 16  | 11000174 | Lê Trung Luân       | 08/12/2009 | Nam       | 11B3  |         |
| 17  | 11000175 | Thới Văn Luân       | 17/04/2009 | Nam       | 11B3  |         |
| 18  | 11000176 | Võ Đức Lưu          | 19/10/2009 | Nam       | 11B2  |         |
| 19  | 11000178 | Nguyễn Gia Ly       | 11/12/2009 | Nữ        | 11B12 |         |
| 20  | 11000180 | Trần Thị Yến Ly     | 22/06/2009 | Nữ        | 11B4  |         |
| 21  | 11000184 | Nguyễn Duy Mạnh     | 08/06/2009 | Nam       | 11B12 |         |
| 22  | 11000186 | Trần Nhất Mao       | 06/11/2009 | Nam       | 11B3  |         |
| 23  | 11000187 | Hồ Văn Minh         | 31/05/2009 | Nam       | 11B4  |         |
| 24  | 11000188 | Lê Nguyễn Bình Minh | 07/05/2009 | Nam       | 11B1  |         |
|     |          |                     |            |           |       |         |

*Đông Sơn, ngày 27 tháng 12 năm 2025*

**HIỆU TRƯỞNG**

**Ngô Ngọc Lâm**

**DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA CUỐI KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026**

**MÔN: HÓA HỌC - PHÒNG: 19**

| STT | SBD      | HỌ VÀ TÊN           | Ngày sinh  | Giới tính | Lớp   | Ghi chú |
|-----|----------|---------------------|------------|-----------|-------|---------|
| 1   | 11000191 | Nguyễn Thị Diễm My  | 30/03/2009 | Nữ        | 11B12 |         |
| 2   | 11000192 | Nguyễn Thị Kiều My  | 06/10/2009 | Nữ        | 11B2  |         |
| 3   | 11000195 | Nguyễn Thị Mỹ       | 13/03/2009 | Nữ        | 11B3  |         |
| 4   | 11000200 | Vương Trần Tấn Nam  | 22/01/2009 | Nam       | 11B2  |         |
| 5   | 11000202 | Trương Thị Thúy Nga | 19/04/2009 | Nữ        | 11B1  |         |
| 6   | 11000211 | Phạm Thu Ngân       | 08/11/2009 | Nữ        | 11B4  |         |
| 7   | 11000216 | Võ Phạm Phương Nghi | 25/08/2009 | Nữ        | 11B12 |         |
| 8   | 11000217 | Võ Thị Thúy Nghi    | 16/09/2009 | Nữ        | 11B12 |         |
| 9   | 11000218 | Huỳnh Minh Nghiêm   | 11/05/2009 | Nam       | 11B4  |         |
| 10  | 11000219 | Bùi Thị Như Ngọc    | 23/12/2009 | Nữ        | 11B2  |         |
| 11  | 11000226 | Phan Thùy Ngọc      | 22/02/2009 | Nữ        | 11B1  |         |
| 12  | 11000229 | Nguyễn Duy Nguyên   | 04/04/2009 | Nam       | 11B4  |         |
| 13  | 11000234 | Tiêu Viêt Nhã       | 22/09/2009 | Nam       | 11B2  |         |
| 14  | 11000237 | Phạm Văn Nhân       | 25/01/2009 | Nam       | 11B3  |         |
| 15  | 11000238 | Võ Duy Nhân         | 05/05/2009 | Nam       | 11B4  |         |
| 16  | 11000239 | Võ Thiện Nhân       | 27/04/2009 | Nam       | 11B3  |         |
| 17  | 11000241 | Trần Quang Đệ Nhất  | 04/10/2009 | Nam       | 11B4  |         |
| 18  | 11000245 | Đỗ Phạm Yến Nhi     | 27/04/2009 | Nữ        | 11B2  |         |
| 19  | 11000246 | Đỗ Thị Nhi          | 16/10/2009 | Nữ        | 11B3  |         |
| 20  | 11000248 | Huỳnh Thị Yến Nhi   | 15/01/2009 | Nữ        | 11B1  |         |
| 21  | 11000257 | Nguyễn Thị An Nhiên | 25/10/2009 | Nữ        | 11B4  |         |
| 22  | 11000259 | Võ Thị Ý Nhiên      | 19/11/2009 | Nữ        | 11B1  |         |
| 23  | 11000269 | Trương Phạm Tâm Như | 07/10/2009 | Nữ        | 11B1  |         |
| 24  | 11000272 | Đặng Thị Nữ         | 27/07/2009 | Nữ        | 11B2  |         |
|     |          |                     |            |           |       |         |

*Đông Sơn, ngày 27 tháng 12 năm 2025*

**HIỆU TRƯỞNG**

**Ngô Ngọc Lâm**

**DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA CUỐI KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026**

**MÔN: HÓA HỌC - PHÒNG: 20**

| STT | SBD      | HỌ VÀ TÊN               | Ngày sinh  | Giới tính | Lớp   | Ghi chú |
|-----|----------|-------------------------|------------|-----------|-------|---------|
| 1   | 11000273 | Huỳnh Ngọc Nữ           | 02/12/2009 | Nữ        | 11B1  |         |
| 2   | 11000274 | Nguyễn Thị Xuân Nữ      | 03/01/2009 | Nữ        | 11B12 |         |
| 3   | 11000275 | Phạm Thị Yên Nữ         | 08/09/2009 | Nữ        | 11B1  |         |
| 4   | 11000278 | Nguyễn Thị Bích Ny      | 06/07/2009 | Nữ        | 11B3  |         |
| 5   | 11000280 | Nguyễn Thị Phương Oanh  | 03/02/2009 | Nữ        | 11B12 |         |
| 6   | 11000282 | Nguyễn Duy Phát         | 17/01/2009 | Nam       | 11B1  |         |
| 7   | 11000284 | Nguyễn Võ Tấn Phát      | 16/11/2009 | Nam       | 11B3  |         |
| 8   | 11000286 | Nguyễn Hoàng Phi        | 25/08/2009 | Nam       | 11B1  |         |
| 9   | 11000289 | Hoàng Đặng Phong        | 03/09/2009 | Nam       | 11B1  |         |
| 10  | 11000291 | Nguyễn Duy Phong        | 23/06/2009 | Nam       | 11B1  |         |
| 11  | 11000292 | Phạm Đình Hoàng Phong   | 02/04/2009 | Nam       | 11B12 |         |
| 12  | 11000296 | Nguyễn Đặng Hoàng Phúc  | 26/07/2009 | Nam       | 11B1  |         |
| 13  | 11000297 | Nguyễn Hoàng Phúc       | 03/03/2009 | Nam       | 11B12 |         |
| 14  | 11000300 | Nguyễn Hữu Phước        | 19/08/2009 | Nam       | 11B12 |         |
| 15  | 11000302 | Phạm Hoàng Phước        | 06/08/2009 | Nam       | 11B1  |         |
| 16  | 11000303 | Phạm Văn Phước          | 21/10/2009 | Nam       | 11B3  |         |
| 17  | 11000306 | Nguyễn Thị Hoàng Phương | 03/02/2009 | Nữ        | 11B12 |         |
| 18  | 11000308 | Nguyễn Anh Quân         | 02/05/2009 | Nam       | 11B2  |         |
| 19  | 11000314 | Trương Thị Quyên        | 02/03/2009 | Nữ        | 11B12 |         |
| 20  | 11000315 | Võ Hồng Quyền           | 08/05/2009 | Nam       | 11B12 |         |
| 21  | 11000327 | Nguyễn Tấn Sang         | 30/01/2009 | Nam       | 11B3  |         |
| 22  | 11000328 | Nguyễn Công Sinh        | 18/10/2009 | Nam       | 11B3  |         |
| 23  | 11000330 | Nguyễn Ngọc Sơn         | 12/03/2009 | Nam       | 11B12 |         |
| 24  | 11000331 | Trương Công Hoàng Sơn   | 09/09/2009 | Nam       | 11B12 |         |
| 25  | 11000334 | Nguyễn Tuấn Tâm         | 28/01/2009 | Nam       | 11B2  |         |

*Đông Sơn, ngày 27 tháng 12 năm 2025*

**HIỆU TRƯỞNG**

**Ngô Ngọc Lâm**

**DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA CUỐI KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026**

**MÔN: HÓA HỌC - PHÒNG: 21**

| STT | SBD      | HỌ VÀ TÊN              | Ngày sinh  | Giới tính | Lớp   | Ghi chú |
|-----|----------|------------------------|------------|-----------|-------|---------|
| 1   | 11000335 | Phạm Thị Thanh Tâm     | 15/11/2009 | Nữ        | 11B1  |         |
| 2   | 11000336 | Huỳnh Ngọc Thạch       | 27/04/2009 | Nam       | 11B12 |         |
| 3   | 11000337 | Nguyễn Ngọc Thạch      | 20/10/2009 | Nam       | 11B3  |         |
| 4   | 11000340 | Đỗ Minh Thành          | 10/10/2009 | Nam       | 11B2  |         |
| 5   | 11000342 | Bùi Thị Thảo           | 04/10/2009 | Nữ        | 11B3  |         |
| 6   | 11000349 | Nguyễn Thị Hồng Thắm   | 19/01/2009 | Nữ        | 11B3  |         |
| 7   | 11000351 | Dương Nguyễn Hữu Thắng | 30/03/2009 | Nam       | 11B2  |         |
| 8   | 11000352 | Võ Hoài Thể            | 19/01/2009 | Nam       | 11B2  |         |
| 9   | 11000355 | Tạ Đình Thiện          | 10/02/2009 | Nam       | 11B4  |         |
| 10  | 11000356 | Võ Thiện               | 20/01/2009 | Nam       | 11B4  |         |
| 11  | 11000357 | Nguyễn Phúc Thịnh      | 31/10/2009 | Nam       | 11B12 |         |
| 12  | 11000358 | Nguyễn Sinh Thịnh      | 13/10/2009 | Nam       | 11B3  |         |
| 13  | 11000360 | Nguyễn Tuấn Thịnh      | 16/05/2009 | Nam       | 11B12 |         |
| 14  | 11000363 | Bùi Quỳnh Thơm         | 21/09/2009 | Nam       | 11B3  |         |
| 15  | 11000366 | Huỳnh Thị Thúy         | 18/06/2009 | Nữ        | 11B4  |         |
| 16  | 11000373 | Nguyễn Minh Thư        | 20/11/2009 | Nữ        | 11B3  |         |
| 17  | 11000386 | Phạm Duy Thường        | 17/10/2009 | Nam       | 11B4  |         |
| 18  | 11000389 | Nguyễn Đặng Bảo Thy    | 22/12/2009 | Nữ        | 11B1  |         |
| 19  | 11000394 | Trần Văn Tiên          | 28/02/2009 | Nam       | 11B4  |         |
| 20  | 11000399 | Đinh Phạm Hữu Toàn     | 09/05/2009 | Nam       | 11B4  |         |
| 21  | 11000401 | Đồng Thị Minh Trang    | 19/12/2009 | Nữ        | 11B1  |         |
| 22  | 11000402 | Lê Phương Trang        | 22/11/2009 | Nữ        | 11B1  |         |
| 23  | 11000403 | Nguyễn Thị Thu Trang   | 24/09/2009 | Nữ        | 11B1  |         |
| 24  | 11000404 | Phạm Nguyễn Mai Trang  | 07/10/2009 | Nữ        | 11B2  |         |
| 25  | 11000405 | Phan Thị Trang         | 24/01/2009 | Nữ        | 11B4  |         |

*Đông Sơn, ngày 27 tháng 12 năm 2025*

**HIỆU TRƯỞNG**

**Ngô Ngọc Lâm**

**DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA CUỐI KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026**

**MÔN: HÓA HỌC - PHÒNG: 22**

| STT | SBD      | HỌ VÀ TÊN             | Ngày sinh  | Giới tính | Lớp   | Ghi chú |
|-----|----------|-----------------------|------------|-----------|-------|---------|
| 1   | 11000406 | Bùi Bảo Trâm          | 31/03/2009 | Nữ        | 11B1  |         |
| 2   | 11000407 | Bùi Nguyễn Quỳnh Trâm | 02/03/2009 | Nữ        | 11B3  |         |
| 3   | 11000413 | Đỗ Anh Trí            | 19/02/2009 | Nam       | 11B1  |         |
| 4   | 11000414 | Trần Quang Trí        | 11/08/2009 | Nam       | 11B4  |         |
| 5   | 11000415 | Nguyễn Minh Triết     | 27/01/2009 | Nam       | 11B4  |         |
| 6   | 11000422 | Trương Quang Trọng    | 10/12/2009 | Nam       | 11B12 |         |
| 7   | 11000423 | Đặng Thị Trúc         | 14/10/2009 | Nữ        | 11B3  |         |
| 8   | 11000425 | Đặng Hữu Trung        | 07/04/2009 | Nam       | 11B3  |         |
| 9   | 11000427 | Nguyễn Quốc Trung     | 19/03/2009 | Nam       | 11B2  |         |
| 10  | 11000429 | Nguyễn Quốc Trường    | 01/01/2009 | Nam       | 11B4  |         |
| 11  | 11000431 | Đỗ Nhật Tú            | 13/10/2009 | Nữ        | 11B1  |         |
| 12  | 11000432 | Lê Văn Tú             | 30/07/2009 | Nam       | 11B4  |         |
| 13  | 11000433 | Nguyễn Thị Cẩm Tú     | 22/02/2009 | Nữ        | 11B4  |         |
| 14  | 11000435 | Huỳnh Anh Tuấn        | 26/07/2009 | Nam       | 11B2  |         |
| 15  | 11000436 | Nguyễn Minh Tuấn      | 26/03/2009 | Nam       | 11B4  |         |
| 16  | 11000440 | Trương Tiến Tuấn      | 10/09/2009 | Nam       | 11B4  |         |
| 17  | 11000448 | Nguyễn Thành Ván      | 02/01/2009 | Nam       | 11B2  |         |
| 18  | 11000450 | Bùi Thị Thanh Vi      | 20/06/2009 | Nữ        | 11B12 |         |
| 19  | 11000456 | Phan Khánh Việt       | 13/08/2009 | Nam       | 11B2  |         |
| 20  | 11000463 | Thái Ngọc Vũ          | 02/06/2009 | Nam       | 11B4  |         |
| 21  | 11000465 | Trần Phi Vương        | 09/07/2009 | Nam       | 11B4  |         |
| 22  | 11000472 | Đoàn Ý                | 09/04/2009 | Nam       | 11B2  |         |
| 23  | 11000473 | Đỗ Như Ý              | 05/02/2009 | Nữ        | 11B12 |         |
| 24  | 11000474 | Đỗ Thị Thúy Yên       | 23/04/2009 | Nữ        | 11B2  |         |
| 25  | 11000476 | Lê Thị Kim Yến        | 27/07/2009 | Nữ        | 11B1  |         |

*Đông Sơn, ngày 27 tháng 12 năm 2025*

**HIỆU TRƯỞNG**

**Ngô Ngọc Lâm**